TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TY - TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày: 20-6-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Phú Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Khâm

Bà Nguyễn Thị Hằng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Hiển - Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TY xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2023/TLST- DS ngày 22-3-2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng B

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Người đại diên theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc

Người được ủy quyền thường xuyên: Ông Dương Văn T – Giám đốc Lienvietpostbank Chi nhánh Yên Bái

Địa chỉ: Tổ 7, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

Người được ủy quyền lại: Anh Nguyễn Khánh Hưng – Phó giám đốc phòng giao dịch TY – Ngân hàng B- Chi nhánh huyện TY

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Có mặt

Bị đơn: - Chị Vũ Thị V, sinh năm 1988. Vắng mặt không có lý do

- Anh Trần Vũ Đ, sinh năm 1990. Vắng mặt không có lý do

Cùng trú tại: Thôn L, xã L, huyện TY, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-02-2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Khánh Hưng là người đại diện của nguyên đơn- Ngân hàng B trình bày:

Ngày 24-5-2018, vợ chồng anh Trần Vũ Đ, chị Vũ Thị V và Ngân hàng B- Chi nhánh Yên Bái (sau đây gọi là Ngân hàng) ký kết Hợp đồng tín dụng số: HDTD 1802018405 (sau đây gọi là Hợp đồng tín dụng số 1) để vay số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng; mục đích: Tiêu dùng; lãi suất 12.6 %/năm; thời hạn vay là 36 tháng (từ ngày 25-5-2018 đến hết ngày 24-5-2021). Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho anh Trần Vũ Đ và chị Vũ Thị V số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1802018405/01 ngày 24-5-2018. Theo đó, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân dùng để tính lãi tiền vay trả cho Ngân hàng là 12,6 %/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất theo phương thức thả nổi, theo đó: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; số tiền cho vay được trả làm 36 kỳ vào ngày 25 hàng tháng; số tiền trả mỗi kỳ là 1.400.000 đồng; kỳ cuối trả số tiền 1.000.000 đồng; kỳ hạn trả lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng theo dư nợ giảm dần, kỳ cuối trả cùng kỳ với trả nợ gốc lần cuối.

Ngày 06-12-2019, vợ chồng anh Trần Vũ Đ, chị Vũ Thị V và Ngân hàng B- Chi nhánh Yên Bái- Phòng giao dịch TY ký kết Hợp đồng tín dụng số: HDTD13C2019131 (sau đây gọi là Hợp đồng tín dụng số 2) để vay số tiền 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng; mục đích: Tiêu dùng; lãi suất là 16,8 %/năm; thời hạn vay là 48 tháng (từ ngày 07-12-2019 đến hết ngày 06-12-2023). Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho anh Trần Vũ Đ và chị Vũ Thị V số tiền 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng, theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 13C2019131/01 ngày 06-12-2019. Theo đó, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân dùng để tính lãi tiền vay trả cho Ngân hàng là 16,8 %/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất theo phương thức thả nổi, theo đó: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; số tiền cho vay được trả làm 48 kỳ vào ngày 25 hàng tháng; số tiền trả mỗi kỳ là 1.560.000 đồng; kỳ cuối trả số tiền 1.680.000 đồng; kỳ hạn trả lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng theo dư nợ giảm dần, kỳ cuối trả cùng kỳ với trả nợ gốc lần cuối.

Cả 02 (hai) Hợp đồng tín dụng nêu trên đều là các khoản vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Trần Vũ Đ và chị Vũ Thị V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận trong hợp đồng dẫn đến quá hạn, nợ xấu. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc nhưng anh Trần Vũ Đ và chị Vũ Thị V vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 20-6-2023, anh Trần Vũ Đ và chị Vũ Thị V còn nợ Ngân hàng tổng số tiền: 107.017.459 (một trăm linh bảy triệu không trăm mười bảy nghìn bốn trăm năm mươi chín) đồng, trong đó:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 1: Nợ gốc là 11.233.765 đồng, nợ lãi quá hạn là 625.513 đồng, lãi chậm trả gốc là 5.219.661 đồng, lãi chậm trả lãi là 157.659 đồng.

Đối với hợp đồng tín dụng số 2: Nợ gốc là 56.923.096 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.057.370 đồng, lãi chậm trả gốc 15.384.746 đồng, lãi chậm trả lãi là 2.415.649 đồng.

Ngân hàng yêu cầu anh Trần Vũ Đ và chị Vũ Thị V phải trả toàn bộ số tiền nêu trên và khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng từ ngày 21-6-2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

*** Phần trình bày của bị đơn:**

Tại bản tự khai, chị Vũ Thị V trình bày: Vào ngày 24-5-2018 chị và chồng chị là anh Trần Vũ Đ với Ngân hàng B- Chi nhánh Yên Bái ký kết Hợp đồng tín dụng số: HDTD 1802018405 để vay số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng; mục đích: Tiêu dùng và vào ngày 06-12-2019, vợ chồng chị với Ngân hàng B- Chi nhánh Yên Bái-Phòng giao dịch TY lại tiếp tục ký kết Hợp đồng tín dụng số: HDTD13C2019131 để vay số tiền 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng.

Về mục đích vay, thời hạn vay, lãi suất, lãi suất chậm trả và các nội dung khác đúng như Ngân hàng đã trình bày. Vợ chồng chị đã được Ngân hàng giải ngân đủ số tiền đã ký kết theo các Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng chị đã trả được một số tiền gốc và lãi nhưng không nhớ cụ thể đã trả được bao nhiêu. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng chị không trả được nợ cho Ngân hàng theo như các nội dung đã cam kết trong các hợp đồng tín dụng. Ngân hàng cũng đã nhiều lần đến làm việc và đôn đốc vợ chồng chị nhưng vợ chồng chị vẫn không trả nợ do không có khả năng.

Vào ngày 25-4-2023 chị được Ngân hàng cung cấp cho báo cáo chi tiết nợ quá hạn tổng hợp, theo đó vợ chồng chị còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 105.517.652 đồng, trong đó:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 1: Nợ gốc là 11.233.765 đồng, nợ lãi quá hạn là 625.513 đồng, lãi chậm trả gốc là 5.029.324 đồng, lãi chậm trả lãi là 148.058 đồng

Đối với hợp đồng tín dụng số 2: Nợ gốc là 56.923.096 đồng, nợ lãi quá hạn là 14.685.593 đồng, lãi chậm trả gốc 14.659.127 đồng, lãi chậm trả lãi là 2.213.176 đồng.

Chị đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng chị chỉ trả tiền gốc và trả theo từng tháng do điều kiện kinh tế khó khăn không thể trả hết nợ trong một lần, còn số tiền lãi thì đề nghị Ngân hàng miễn cho vợ chồng chị.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Vũ Đ và chị Vũ Thị V nhưng cả hai anh chị đều vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được, hồ sơ cũng không có lời khai của anh Trần Vũ Đ.

Tại phiên tòa, Đại diện của Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc anh Trần Vũ Đ và chị Vũ Thị V phải trả số tiền còn nợ, tính đến ngày 20-6-2023 là 107.017.459 (một trăm linh bảy triệu không trăm mười bảy nghìn bốn trăm năm mươi chín) đồng, trong đó:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 1: Nợ gốc là 11.233.765 đồng, nợ lãi quá hạn là 625.513 đồng, lãi chậm trả gốc là 5.219.661 đồng, lãi chậm trả lãi là 157.659 đồng.

Đối với hợp đồng tín dụng số 2: Nợ gốc là 56.923.096 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.057.370 đồng, lãi chậm trả gốc 15.384.746 đồng, lãi chậm trả lãi là 2.415.649 đồng.

Và số tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 21-6-2013 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn là anh Trần Vũ Đ và chị Vũ Thị V đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn L, xã L, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn là anh Trần Vũ Đ và chị Vũ Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Vũ Đ và chị Vũ Thị V theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hiệu lực của Hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số: HDTD 1802018405 ngày 24-5-2018 và Hợp đồng tín dụng số: HDTD13C2019131 ngày 06-12-2019 được ký kết giữa Ngân hàng anh Trần Vũ Đ và chị Vũ Thị V có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Trong hợp đồng, các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm về nội dung hợp đồng. Tại thời điểm giao kết, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã giao kết trong hợp đồng. Ngân hàng đều đã thực hiện giải ngân đầy đủ số tiền tại hai Hợp đồng tín dụng nêu trên cho anh Trần Vũ Đ và chị Vũ Thị V.

Quá trình thực hiện hai Hợp đồng tín dụng nêu trên, anh Trần Vũ Đ và chị Vũ Thị V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, vi phạm các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

[2.2] Về số tiền còn nợ:

Tính đến ngày 20-6-2023, anh Trần Vũ Đ và chị Vũ Thị V còn nợ Ngân hàng tổng số tiền: 107.017.459 (một trăm linh bảy triệu không trăm mười bảy nghìn bốn trăm năm mươi chín) đồng, trong đó:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 1: Nợ gốc là 11.233.765 đồng, nợ lãi quá hạn là 625.513 đồng, lãi chậm trả gốc là 5.219.661 đồng, lãi chậm trả lãi là 157.659 đồng.

Đối với hợp đồng tín dụng số 2: Nợ gốc là 56.923.096 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.057.370 đồng, lãi chậm trả gốc 15.384.746 đồng, lãi chậm trả lãi là 2.415.649 đồng

Ngân hàng yêu cầu anh Trần Vũ Đ và chị Vũ Thị V phải trả toàn bộ số nợ trên và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21-6-2023 theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh Trần Vũ Đ và chị Vũ Thị V đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, được biết về số tiền còn nợ Ngân hàng, số tiền lãi theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng nhưng không có ý kiến gì về bảng kê tính nợ gốc, lãi. Tại bản tự khai chị Vũ Thị V đề nghị Ngân hàng miễn tiền lãi và trả nợ gốc theo từng tháng. Xét thấy, thẩm quyền quyết định nội dung này thuộc về Ngân hàng, Hội đồng xét xử không có thẩm quyền xem xét, giải quyết

Từ những nhận định như trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.

Buộc anh Trần Vũ Đ và chị Vũ Thị V phải trả cho Ngân hàng Bsố tiền còn nợ, tính đến ngày 20-6-2023 là 107.017.459 đồng (một trăm linh bảy triệu không trăm mười bảy nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng), trong đó: Đối với Hợp đồng tín dụng số: HDTD 1802018405 ngày 24-5-2018: Nợ gốc là 11.233.765 đồng, nợ lãi quá hạn là 625.513 đồng, lãi chậm trả gốc là 5.219.661 đồng, lãi chậm trả lãi là 157.659 đồng; Đối với Hợp đồng tín dụng số HDTD13C2019131 ngày 06-12-2019: Nợ gốc là 56.923.096 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.057.370 đồng, lãi chậm trả gốc 15.384.746 đồng, lãi chậm trả lãi là 2.415.649 đồng.

Kể từ ngày 21-6-2023 cho đến khi thi hành xong khoản nợ, anh Trần Vũ Đ và chị Vũ Thị V còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hai Hợp đồng tín dụng nêu trên.

2. Về án phí: Anh Trần Vũ Đ và chị Vũ Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 5.350.872 đồng (năm triệu ba trăm năm mươi nghìn tám trăm bảy mươi hai đồng).

Ngân hàng Bđược hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 2.545.000 đồng (hai triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu số AA/2022/0000346 ngày 22-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Yên Bái.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Duy